TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 845/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 18 – 11 - 2019
V/v Tranh chấp "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – TIỀN GIANG

Với Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Thúy**.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Mai Văn Bé

2/ Ông Nguyễn Hoàng Lợi

Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Tú Hà – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành – Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Trinh - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 677/2019/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 9 năm 2019, về tranh chấp "Ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 224/2019/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Nguyễn Văn T, sinh năm: 1990 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp LH B, xã BL, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Lê Thị Kim N**,** sinh năm: 1990 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp LTB, xã BL, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn và tại biên bản Toà án hoà giải, nguyên đơn là anh Nguyễn Văn T đã trình bày: Anh và chị Lê Thị Kim N cưới nhau vào năm 2010 có đăng ký kết hôn. Vợ chồng anh chị sống hạnh phúc thời gian đầu, đến khoảng năm 2011 anh chị bắt đầu có mâu thuẫn và vợ chồng ly thân đến nay. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không thể hòa hợp, vợ chồng đã có hàn gắn nhiều lần

nhưng không có kết quả. Do đó, anh T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể sống chung được.

Nay về tình cảm: Anh T xin ly hôn với chị N.

Về con chung: Anh T và chị N có 01 người con chung tên Nguyễn Văn T, sinh ngày 30/8/2010, khi ly hôn anh T yêu cầu trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu chị N cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn chị Lê Thị Kim N được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và cũng không gởi bản khai cho Tòa án.

Tại phiên tòa đại diện Viện Kiểm sát phát biểu quan điểm: Về phần thủ tục tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay là đúng theo quy định pháp luật. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn đã thực hiện đúng theo quy định tại các điều 70, 17, 234 Bộ luật Tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn và nội quy phiên tòa. Bị đơn chưa thực hiện đúng về quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn và nội quy phiên tòa theo quy định tại các điều 70, 17, 234 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về Hôn nhân đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh T. Cho anh T được ly hôn với chị N. Về con chung: Hiện con chung do anh T đang nuôi con nên giao Trọn tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng con chung là phù hợp, anh T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét. Về tài sản chung: Không có; Nợ chung: Không có. Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà; Hội đồng xét xử nhận định :

[1] Về tố tụng: Chị Lê Thị Kim N được Tòa án tống đạt hợp lệ để đến Tòa án giải quyết vụ án nhưng chị N vắng mặt không lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị N.

[2] Về yêu cầu ly hôn: Anh Nguyễn Văn T và chị Lê Thị Kim N cưới nhau năm 2010 có đăng ký kết hôn là tuân thủ đúng theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình nên hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp. Thời gian đầu vợ chồng anh T, chị N sống hạnh phúc, đến đầu năm 2011 thì chị N, anh T phát sinh mâu thuẫn do không hợp tính tình, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên gây gỗ nhau. Anh T, chị N cũng đã ly thân nhau. Xét thấy, tình cảm giữa chị N và anh T đã có mâu thuẫn trầm trọng, thời gian ly thân khá dài nhưng không hàn gắn tình cảm được. Nay chị N được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án để hòa giải đoàn tụ. Do đó,

nay anh T xin ly hôn với chị N là có cơ sở, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Văn T, cho anh Nguyễn Văn T được ly hôn với chị Lê Thị Kim N.

[3] Về con chung: Anh T và chị N có 01 người con chung tên Nguyễn Văn T, sinh ngày 30/8/2010, khi ly hôn anh T yêu cầu trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu chị N cấp dưỡng. Xét thấy, hiện con chung đang do anh T chăm sóc chu đáo, anh T cũng đủ khả năng nuôi con về mọi mặt, con chung cũng có nguyện vọng sống với cha. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi con của anh T, cho anh T được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng con chung, anh T không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Tài sản chung và nợ chung: không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Nguyên đơn anh Nguyễn Văn T phải chịu án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Xét ý kiến của đại diện Viện Kiểm Sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang tại phiên tòa là có cơ sở, phù hợp với nhận định trên, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH :

- Căn cứ Khoản 1 Điều 35, Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ các điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình,

- Căn cứ theo Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử :

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Văn T. Cho anh Nguyễn Văn T được ly hôn chị Lê Thị Kim N.

2. Về con chung: Giao người con chung tên Nguyễn Văn T, sinh ngày 30/8/2010 cho anh Nguyễn Văn T được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng, chị Lê Thị Kim N không phải cấp dưỡng nuôi con do anh Nguyễn Văn T không yêu cầu.

Chị Lê Thị Kim N có quyền đến thăm và chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, chị đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 01317 ngày 16 – 9 - 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành – Tiền Giang, xem như nộp xong.

4. Anh T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án. Chị Vi có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận bản án hoặc tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi Cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

ĐÃ KÝ

Nguyễn Thanh Thúy